

Năm giữ (từ Tăng tỷ trọng)

Giá mục tiêu: VNĐ12,700 (giữ nguyên)

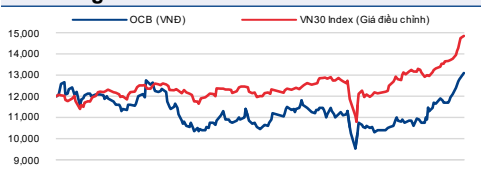
Tiềm năng tăng/giảm: -3.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/7/2025) 13,100

Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,540-13,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,883
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	32,302
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,236
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,466
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	542
Slg CP NN được mua (tr.đv)	61.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.5%
Tỷ lệ freefloat	52.9%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	15.9	23.0	8.79
So với chỉ số	1.17	1.57	(11.8)
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2025F	1,355	1,535	(11.8)
2026F	1,630	1,910	(14.7)
2027F	1,825	-	N/a

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Hạ khuyến nghị xuống Năm giữ trên cơ sở định giá

- HSC hạ khuyến nghị cho OCB xuống Năm giữ (từ Tăng tỷ trọng) sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua và đạt giá mục tiêu của chúng tôi là 12.700đ.
- Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2025-2027 với LNTT tăng trưởng trung bình 12% trong 3 năm tới và hệ số ROE bình quân đạt 11%, cho thấy sự cải thiện từ mức nền thấp.
- OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 0,91 lần, thấp hơn 21% so với so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,16 lần, chúng tôi tin rằng đây là mức định giá hợp lý do chất lượng tài sản và hệ số ROE của Ngân hàng thấp hơn so với bình quân ngành.

Sự kiện: Giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua và chạm giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua và tăng 21% kể từ Báo cáo doanh nghiệp của chúng tôi vào ngày 26/5/2025 (bản tiếng Anh) - vượt trội so với so với bình quân nhóm NHTM tư nhân - có thể nhờ định giá hấp dẫn, thông báo về cổ tức tiền mặt cùng một số yếu tố tích cực về chất lượng tài sản. Chúng tôi cho rằng thị trường BDS cho thấy tín hiệu hồi phục cùng việc luật hóa Nghị quyết 42 được Quốc hội thông qua vào cuối tháng 6 và có hiệu lực từ ngày 15/10/2025 đã giúp cải thiện tâm lý thị trường đối với cổ phiếu OCB trong thời gian gần đây.

Giữ nguyên dự báo giai đoạn 2025-2027

Chúng tôi giữ nguyên quan điểm và dự báo cho giai đoạn 2025-2027 đối với OCB, lưu ý các khó khăn chính về chất lượng tài sản và tỷ suất lợi nhuận vẫn tiếp diễn. Ngân hàng đang chuyển sang giai đoạn phục hồi sau khi LNTT sụt giảm trong 3 năm liên tiếp (do lãi mua bán trái phiếu giảm, tỷ lệ NIM thu hẹp và các vấn đề về chất lượng tài sản).

Dựa trên các giả định hiện tại, HSC dự báo LNTT sẽ tăng trưởng trung bình 12% (tăng trưởng 15% nếu không bao gồm các khoản mục không thường xuyên) trong 3 năm tới từ mức nền thấp. Hệ số ROE bình quân và ROE cốt lõi trong giai đoạn này được dự báo ở mức khoảng 11%, phục hồi từ mức thấp trước đó.

Đối với chất lượng tài sản, nợ xấu vẫn tập trung ở các khoản cho vay mua nhà tại phân khúc khách hàng cá nhân. Mặc dù việc luật hóa Nghị quyết 42 gần đây nhìn chung có lợi cho các NHTM có nợ xấu ở các khoản cho vay mua nhà, OCB có thể sẽ cần thêm thời gian để cải thiện rõ rệt.

Ước tính Q2/2025: LNTT nhiều khả năng tăng trưởng mạnh

Dựa trên xu hướng và triển vọng hiện tại, HSC ước tính LNTT của OCB sẽ tăng mạnh 34% so với cùng kỳ trong Q2/2025 nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ nhưng bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM thu hẹp, trong khi chi phí hoạt động & chi phí dự phòng được kiểm soát. Cụ thể theo ước tính của HSC:

- Thu nhập lãi thuần tăng 13% nhờ tín dụng tăng mạnh 7% kể từ đầu năm và tăng 22% so với cùng kỳ nhưng bị bù trừ một phần do tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước và giảm so với cùng kỳ.
- Thu nhập ngoài lãi tăng 50% chủ yếu có thể do mảng kinh doanh nguồn vốn ghi nhận lợi nhuận so với ghi nhận lỗ trong năm ngoái.
- Chi phí hoạt động và chi phí tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, hỗ trợ lợi nhuận thuần. Do sức ép lên chất lượng tài sản vẫn hiện hữu, chúng tôi dự báo chi phí dự phòng sẽ tăng lên trong nửa cuối năm 2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/7.

Cuối năm: Tháng 12	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi thuần (nghìn tỷ đồng)	6.77	8.61	9.23	11.1	13.2
Tổng thu nhập HĐ (nghìn tỷ đồng)	8.94	10.1	11.1	13.6	15.8
LN thuần (nghìn tỷ đồng)	3.30	3.17	3.34	4.02	4.50
EPS (đồng)	1,340	1,287	1,355	1,630	1,825
DPS (đồng)	0	0	700	0	0
BVPS (đồng)	11,573	12,844	13,501	15,130	16,956
P/E (lần)	9.78	10.2	9.67	8.04	7.18
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	5.34	0	0
P/B (lần)	1.13	1.02	0.97	0.87	0.77
Tăng trưởng EPS (%)	(5.88)	(3.91)	5.23	20.3	12.0
ROAE (%)	12.3	10.5	10.3	11.4	11.4

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Bảng 1: Ước tính KQKD Q2/2025 của HSC, OCB

Theo ước tính của chúng tôi, lợi nhuận tăng trưởng mạnh trong Q2 đã giúp bù đắp cho KQKD kém tích cực trong Q1, từ đó giúp KQKD trong 6 tháng đầu năm 2025 đi ngang

	Q2/2024	Q2/2025E	% so với cùng kỳ	6T2024	6T2025E	% so với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	1,987	2,252	13%	3,887	4,416	14%	48%
Thu nhập ngoài lãi	286	429	50%	672	539	-20%	29%
Tổng thu nhập HĐ	2,272	2,682	18%	4,559	4,955	9%	45%
Chi phí HĐ	-955	-1,014	6%	-1,824	-2,016	11%	46%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,317	1,668	27%	2,736	2,939	7%	44%
Chi phí trích lập dự phòng	-419	-460	10%	-623	-838	35%	34%
LNTT	899	1,208	34%	2,113	2,101	-1%	50%
Lợi nhuận thuần	717	966	35%	1,671	1,679	0%	50%

Nguồn: OCB, HSC

Bảng 2: Các chỉ số quan trọng, OCB

Chất lượng tài sản và hệ số ROE là những thách thức chính. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng sẽ cải thiện dần theo thời gian

	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F	2027F
Tỷ lệ tăng trưởng							
Tăng trưởng tín dụng	14.8%	18.5%	22.9%	19.5%	18.0%	18.0%	16.0%
Tăng trưởng tiền gửi	13.3%	3.4%	23.2%	13.1%	23.1%	21.1%	20.5%
Tăng trưởng tổng thu nhập HĐ	11.3%	-4.3%	4.7%	12.7%	9.9%	22.6%	16.7%
Tăng trưởng LNTT	24.9%	-20.5%	-5.7%	-3.2%	4.3%	20.2%	12.0%
Chất lượng tài sản							
Nợ xấu	1.3%	2.2%	4.7%	3.9%	3.5%	3.3%	2.9%
Nợ xấu mới hình thành	0.6%	1.6%	3.3%	1.2%	1.3%	1.5%	1.4%
Chi phí tín dụng	1.0%	1.0%	1.2%	1.4%	1.3%	1.5%	1.5%
Hệ số LLR	83%	59%	64%	48%	38%	39%	42%
Khả năng sinh lời							
Tỷ lệ NIM	3.7%	4.0%	3.3%	3.5%	3.1%	3.3%	3.3%
Tỷ lệ NIM điều chỉnh rủi ro	2.6%	3.0%	2.1%	2.1%	1.9%	1.8%	1.8%
ROE	22.5%	14.9%	12.3%	10.5%	10.3%	11.4%	11.4%
ROE cốt lõi	14.8%	15.6%	10.4%	11.0%	10.2%	10.9%	10.9%

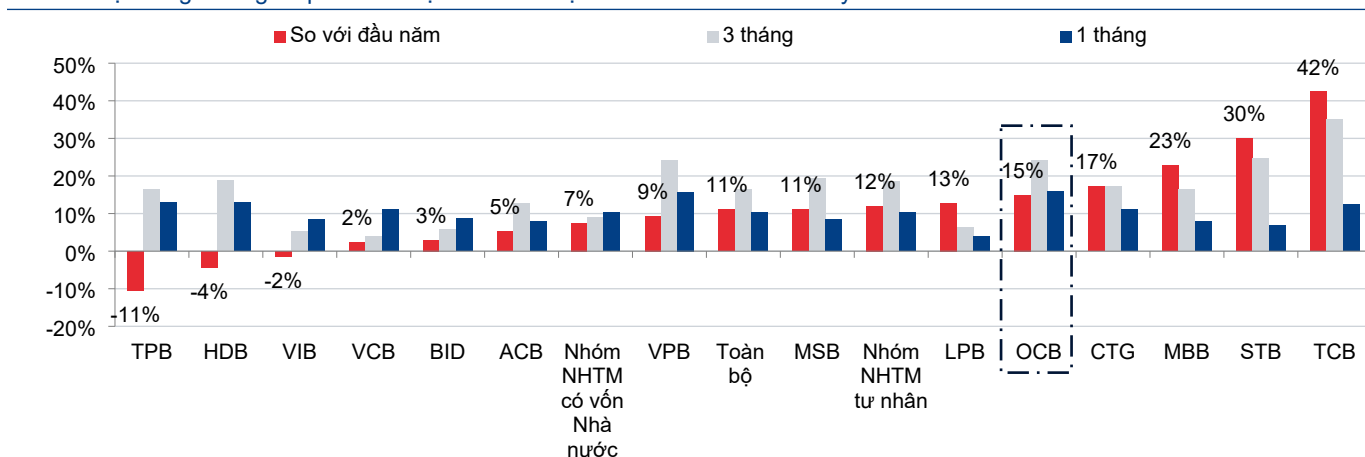
Nguồn: OCB, HSC

Hạ khuyến nghị xuống Năm giữ trên cơ sở định giá

Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 0,91 lần, thấp hơn 21% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,16 lần. Do nền tảng cơ bản của Ngân hàng nằm dưới mức bình quân ngành, HSC tin rằng định giá hiện tại của OCB là hợp lý và hạ khuyến nghị từ Tăng tỷ trọng xuống Năm giữ.

Biểu đồ 3: Tỷ suất sinh lời cổ phiếu của các ngân hàng trong phạm vi phân tích của HSC

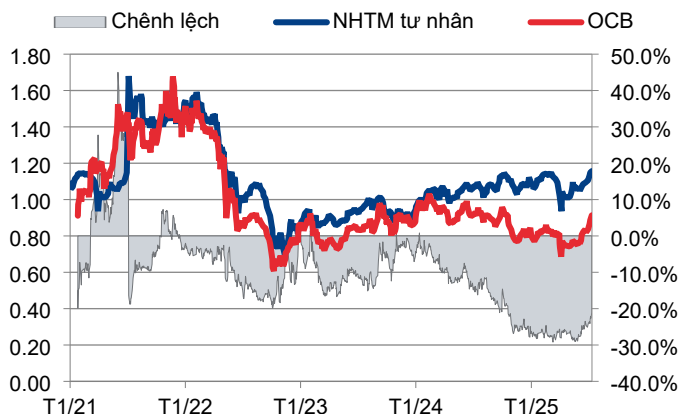
OCB là một trong những cổ phiếu có hiệu suất tích cực hơn từ đầu năm tới nay



Nguồn: HSC

Biểu đồ 4: P/B trượt dự phóng 1 năm, OCB so với bình quân nhóm NHTM tư nhân

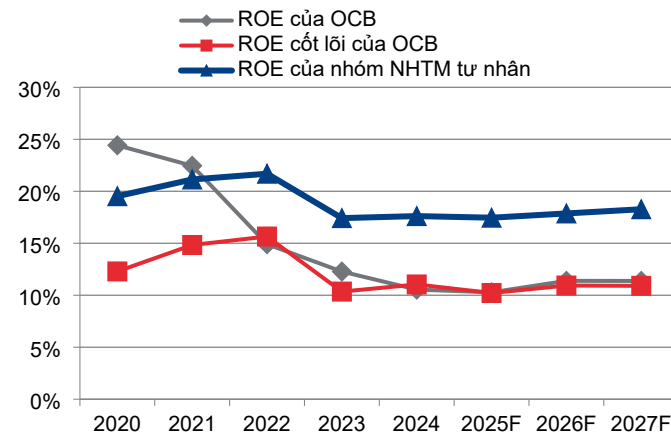
Mức chiết khấu của OCB so với bình quân nhóm NHTM tư nhân gần đây đã giảm còn 21%



Nguồn: HSC

Biểu đồ 5: ROE, OCB so với bình quân nhóm NHTM tư nhân

HSC ước tính hệ số ROE bình quân 3 năm của OCB chỉ đạt 11%, thấp hơn so với mức trung bình 18% của nhóm NHTM tư nhân



Nguồn: OCB, HSC

Bảng 6: Định giá so sánh các ngân hàng trong phạm vi phân tích của HSC

Ngân hàng	Thị giá Đồng	Khuyến nghị	Giá mục tiêu Đồng	Tiềm năng tăng/giảm %	P/B (lần)		P/E (lần)		ROE (%)			Tăng trưởng EPS (%)		P/B tại giá mục tiêu (lần)	
					2025F	2026F	2025F	2026F	2024	2025F	2026F	2025F	2026F	2025F	2026F
ACB	22,700	Mua vào	29,300	29.1%	1.21	1.04	6.7	5.7	21.6%	19.3%	19.7%	4.0%	18.1%	1.56	1.35
BID	38,650	Tăng tỷ trọng	42,500	10.0%	1.61	1.38	11.4	9.8	17.0%	15.3%	15.2%	7.0%	16.9%	1.77	1.52
CTG	44,300	Mua vào	50,000	12.9%	1.35	1.13	8.3	7.1	16.5%	17.8%	17.4%	28.2%	16.7%	1.53	1.28
HDB	24,400	Mua vào	28,200	15.6%	1.28	1.05	6.4	5.3	22.3%	21.9%	21.8%	18.6%	21.0%	1.47	1.21
LPB	32,850	Bán ra	21,700	-33.9%	2.13	1.84	9.8	9.4	24.8%	22.5%	20.9%	4.4%	3.8%	1.41	1.21
MBB	26,800	Mua vào	29,900	11.6%	1.23	1.04	7.2	6.2	20.5%	18.6%	18.1%	8.0%	15.3%	1.37	1.16
MSB	12,950	Mua vào	14,900	15.1%	0.79	0.70	5.9	6.1	16.2%	14.4%	12.1%	3.6%	-4.1%	0.91	0.81
OCB	13,100	Nắm giữ	12,700	-3.1%	0.97	0.87	9.7	8.0	10.5%	10.3%	11.4%	5.2%	20.3%	0.94	0.84
STB	47,950	Tăng tỷ trọng	50,100	4.5%	1.37	1.15	8.5	6.7	18.3%	17.6%	18.7%	15.3%	27.3%	1.44	1.20
TCB	35,100	Tăng tỷ trọng	36,400	3.7%	1.60	1.39	9.8	8.1	15.6%	16.9%	18.4%	18.0%	21.1%	1.66	1.44
TPB	14,900	Tăng tỷ trọng	15,900	6.7%	1.00	0.87	6.0	5.3	15.8%	17.0%	17.6%	7.6%	14.1%	1.06	0.93
VCB	62,400	Tăng tỷ trọng	66,300	6.3%	2.10	1.83	16.3	14.3	17.1%	14.4%	13.7%	3.0%	13.9%	2.23	1.95
VIB	19,400	Tăng tỷ trọng	20,300	4.6%	1.21	1.04	7.2	6.0	17.8%	17.9%	18.5%	12.6%	19.4%	1.26	1.09
VPB	21,000	Mua vào	23,000	9.5%	1.05	0.93	8.5	7.0	11.4%	13.0%	14.1%	23.7%	22.0%	1.15	1.02
Bình quân ngành				6.6%	1.35	1.16	8.7	7.5	17.5%	16.9%	17.0%	11.4%	16.1%	1.41	1.21
Bình quân nhóm NHTM có vốn NN				9.7%	1.69	1.45	12.0	10.4	16.9%	15.8%	15.5%	12.7%	15.9%	1.84	1.58
Bình quân nhóm NHTM tư nhân				5.8%	1.26	1.08	7.8	6.7	17.7%	17.2%	17.4%	11.0%	16.2%	1.29	1.11

Nguồn: OCB, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	18.1	18.0	21.4	26.5	32.2
Chi phí lãi	(11.4)	(9.35)	(12.2)	(15.3)	(19.0)
Thu nhập lãi thuần	6.77	8.61	9.23	11.1	13.2
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.88	0.93	0.98	1.18	1.38
Lãi thuần HĐ KDNH	0.39	0.31	0.30	0.46	0.41
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.65	(0.19)	0.03	0.20	0.23
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.25	0.41	0.52	0.58	0.62
Tổng thu nhập HĐ	8.94	10.1	11.1	13.6	15.8
Chi phí HĐ	(3.17)	(3.80)	(4.40)	(5.22)	(6.10)
LN trước dự phòng	5.77	6.27	6.67	8.35	9.74
Chi phí dự phòng	(1.63)	(2.26)	(2.49)	(3.33)	(4.11)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.14	4.01	4.18	5.02	5.63
Chi phí thuế TNDN	(0.84)	(0.83)	(0.84)	(1.00)	(1.13)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.30	3.17	3.34	4.02	4.50
EPS (đồng)	1,340	1,287	1,355	1,630	1,825
DPS (đồng)	0	0	700	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,466	2,466	2,466	2,466	2,466

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.78	0.79	0.99	1.17	1.35
Tiền gửi tại NHNN	6.97	2.38	2.63	3.19	3.84
Tiền gửi tại các TCTD khác	33.9	39.1	40.3	40.8	44.4
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.04	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	145	173	206	244	283
Tổng dư nợ cho vay	148	176	208	247	287
Dự phòng rủi ro	(2.51)	(2.59)	(2.74)	(3.16)	(3.49)
Chứng khoán đầu tư	40.3	52.6	65.2	76.1	87.6
CK đầu tư sẵn sàng để bán	40.3	52.6	65.2	76.2	87.7
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.04)	(0.05)	(0.05)	(0.05)	(0.06)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.55	0.63	0.61	0.61	0.61
Tài sản khác	12.3	11.9	14.2	16.3	18.9
Tổng tài sản	240	281	330	382	440
Nợ phải trả	212	249	296	344	398
Tiền gửi của NHNN	0.09	3.47	1.58	0.32	0.19
Tiền gửi của các TCTD khác	31.0	45.0	44.7	51.5	59.7
Tổng tiền gửi KH	126	142	175	212	256
Trái phiếu và CCTG	37.8	44.0	58.5	63.5	64.0
Nợ khác	12.3	7.79	9.57	10.0	11.6
Vốn chủ sở hữu	28.5	31.7	33.3	37.3	41.8
Vốn điều lệ	20.5	24.7	26.6	26.6	26.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	5.35	3.74	3.38	7.40	11.9
Quỹ & vốn khác của CSH	2.59	3.22	3.23	3.23	3.23
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	240	281	330	382	440
BVPS (đồng)	11,573	12,844	13,501	15,130	16,956

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	23.8	16.9	17.4	15.8	15.3
Tăng trưởng cho vay KH (%)	23.3	19.1	18.4	18.4	16.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	23.2	13.1	23.1	21.1	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	22.0	13.9	25.4	18.0	16.0
Tăng trưởng VCSH (%)	12.9	11.0	5.11	12.1	12.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(2.62)	27.2	7.20	20.7	18.5
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.08	19.9	15.6	18.7	16.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.68	8.65	6.41	25.2	16.6
Tăng trưởng LNTT (%)	(5.69)	(3.22)	4.28	20.2	12.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(5.88)	(3.91)	5.23	20.3	12.0
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.12	3.87	3.63	3.82	3.85
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.46)	(1.46)	(1.44)	(1.47)	(1.48)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.4	95.8	96.1	96.1	96.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.31	1.43	1.43	1.76	2.05
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	20.9	18.1	17.4	20.9	23.4
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.78	10.2	9.67	8.04	7.18
P/B (lần)	1.13	1.02	0.97	0.87	0.77
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	5.34	0	0
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	37.0	31.5	30.2	29.6	28.4
ROAA (%)	1.52	1.22	1.09	1.13	1.10
ROAE (%)	12.3	10.5	10.3	11.4	11.4
Chi phí huy động BQ (%)	6.41	4.35	4.74	5.05	5.37
Lợi suất góp BQ (%)	8.85	7.20	7.31	7.75	8.15
Lợi suất thuần (%)	2.43	2.85	2.57	2.70	2.79
Tỷ lệ NIM (%)	3.30	3.45	3.15	3.26	3.34
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.87	9.25	8.90	8.72	8.73
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.7	85.5	83.4	82.1	83.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.4	5.28	7.71	9.18	7.95
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	37.8	39.7	38.5	38.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	51.7	0	0
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.3	12.3	11.0	11.0	10.7
VCSH/Tổng TS (%)	11.9	11.3	10.1	9.78	9.50
Đòn bẩy vốn (lần)	8.41	8.86	9.90	10.2	10.5
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	5.12	4.16	3.50	3.30	2.90
Hệ số LLR (%)	33.2	35.3	37.5	38.8	42.0
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	123	119	116	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	15.9	19.4	16.0	15.7	15.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.5	62.7	63.2	64.6	65.2
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	158	175	192	192	192
Số lượng nhân viên	6,822	7,026	7,728	7,728	7,728

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn